

\*  
Số 97 - KH/HU

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

-----

Thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XIII) và Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy và nội dung kế hoạch này, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, vị trí, lực lượng to lớn của nông dân trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

- Tăng cường sự lãnh đạo, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và Nhân dân trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại; phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả, là trụ đỡ nền kinh tế và xác định nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

#### **2. Yêu cầu**

- Các cấp ủy, tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị, tinh thần tự giác, gương mẫu trong thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy và nội dung kế hoạch này; tích cực tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện.

- Các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước thành chương trình, kế hoạch phù hợp với tình hình của địa phương, nhằm tạo đột phá để thay đổi tư duy sản xuất, phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng, của địa phương để phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng

nông thôn mới.

- Phát huy và khai thác các nguồn lực xã hội và các nguồn lực hợp pháp khác, tập trung đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng trong huyện, gắn kết giữa phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng “Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, năng lực làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, có đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, có cơ cấu kinh tế hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

- Xây dựng giai cấp nông dân phát triển toàn diện, đoàn kết, yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới, sáng tạo, có ý chí khát vọng xây dựng quê hương phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, bảo vệ môi trường; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ đô thị.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Mục tiêu đến năm 2030**

- Tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản chiếm 24 - 25% cơ cấu kinh tế của huyện; tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản đạt bình quân 6 - 6,5%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản bình quân 7 - 8%; giá trị sản xuất bình quân đạt trên 320 triệu đồng/ha/năm.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn đạt bình quân trên 10%/năm.

- Giá trị xuất khẩu hàng năm tăng bình quân từ 10 - 12%; tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chế biến, chế biến sâu đạt trên 35%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 40%; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 80%.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm trên 0,2%

- Phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số, phấn đấu nâng thu nhập bình quân đầu người bằng ít nhất 70% bình quân toàn huyện; hàng năm thu hút 5 - 6% lao động vùng dân tộc thiểu số chuyển sang hoạt động phi nông nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, nước sạch ở nông thôn; 100% công trình thủy lợi trọng điểm được khởi công; trên 90% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa; 92% diện tích canh tác được tưới; trên 40% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, trồng cây phân tán, nâng cao tỷ lệ độ che phủ rừng trên 42%.

- Có trên 97% rác thải đô thị và trên 90% rác thải nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định.

- Giữ vững và nâng cao các tiêu chí huyện nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó từ 4 - 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

## **2.2. Tầm nhìn đến năm 2045**

- Nền nông nghiệp bền vững, hiện đại, hiệu quả có giá trị gia tăng cao, có năng lực cạnh tranh quốc tế; người dân nông thôn phát triển toàn diện, đời sống văn hóa, xã hội và thu nhập của người dân nông thôn tiệm cận với đô thị; nông thôn thịnh vượng, văn minh, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tỷ trọng khu vực nông, lâm thủy sản chiếm 20 - 22% cơ cấu kinh tế của huyện; tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản đạt khoảng 5 - 6%/năm. Thu nhập của người dân nông thôn tiệm cận với đô thị; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo trên 90%.

## **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội**

**1.1.** Xây dựng nội dung và phương pháp tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức Đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị và Nhân dân trong huyện, nhất là người đứng đầu về vai trò, vị trí quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn**

**2.1.** Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, nhằm nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế

nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và cư dân nông thôn.

**2.2.** Xây dựng đề án, tổ chức chương trình đào tạo nông dân, lao động nông thôn. Xác định rõ các đối tượng đào tạo nghề ở nông thôn để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp, triển khai mô hình đào tạo, đào tạo lại trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương, gắn với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Gắn công tác đào tạo nghề với tạo việc làm sau đào tạo sát yêu cầu thực tiễn, đặc biệt thúc đẩy phát triển ngành nghề dịch vụ nông nghiệp; nâng cao kiến thức, năng lực thực hành để người nông dân trở thành chủ thể sản xuất hàng hóa, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất và tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác, liên kết với doanh nghiệp trong các chuỗi giá trị.

**2.3.** Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, tạo ra giá trị mới cho ngành sản xuất nông nghiệp; chú trọng phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đào tạo nghề và khuyến nông; thực hiện xã hội hóa hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân và doanh nghiệp; phát triển mạnh mẽ khuyến nông cộng đồng; nâng cao chất lượng hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trong đó, tập trung các lĩnh vực ứng dụng giống mới, quy trình canh tác hiện đại gắn với liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

### **3. Thực hiện chiến lược đột phá trong phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa**

**3.1.** Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực, trên cơ sở quy hoạch được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển của huyện và quy hoạch tỉnh Lâm Đồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xác định rõ quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo phát huy lợi thế của từng vùng, địa phương và tạo vùng nguyên liệu bền vững cho công nghiệp chế biến nông sản đáp ứng nhu cầu thị trường.

**3.2.** Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng tạo động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành (hạ tầng thương mại, logistics...), hạ tầng kinh tế số, phù hợp với quá trình đô thị hóa, nhất là ở các vùng còn khó khăn.

**3.3.** Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả bền vững. Đến năm 2030, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, trong đó có từ 4 - 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**3.4.** Điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của 14 xã đảm bảo phù

hợp với quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 và các quy hoạch khác có liên quan. Tập trung nguồn lực hoàn thiện các dự án khu dân cư đang triển khai thực hiện. Dự án chỉnh trang nâng cấp các khu dân cư hiện hữu theo quy hoạch, phù hợp với truyền thống văn hoá, địa hình, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**3.5.** Nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch bệnh và các biến động bất lợi.

**3.6.** Triển khai các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư dịch vụ, công nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn; ưu đãi tạo việc làm cho lao động nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp nông nghiệp, nông thôn.

#### **4. Nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, hiện đại, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp**

**4.1.** Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển nông nghiệp. Thúc đẩy liên kết và chuyển giao công nghệ giữa cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp và nông dân; nâng cao năng lực tiếp thu và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

**4.2.** Xây dựng các chương trình, đề án mang tính đột phá về khoa học công nghệ, đặc biệt trong ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

**4.3.** Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành, bền vững, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; có các điều kiện tiệm cận với các nền nông nghiệp tiên tiến, có giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cao.

##### **4.3.1. Về trồng trọt:**

Tập trung định hướng, chỉ đạo phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng, mạnh mẽ khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ 4.0, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ. Thực hiện cơ cấu lại các sản phẩm theo hướng ưu tiên các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến và phát triển các chuỗi giá trị; hướng đến xuất khẩu, đặc biệt là các ngành hàng chủ lực có tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản xuất của ngành như: rau, hoa, củ, quả, cà phê, dầu dừa...

Mở rộng vùng sản xuất rau, hoa ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hướng đến thị trường xuất khẩu; phát triển vùng sản xuất cây công nghiệp thông qua tái canh, rà soát chuyển đổi, trồng xen cây ăn quả, cây dược liệu, cây đa mục đích. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi đất lúa một vụ sang trồng các loại rau, hoa có

giá trị kinh tế cao. Ưu tiên nguồn lực và lồng ghép các chương trình đề án để thực hiện các mô hình chuyển đổi sản xuất có hiệu quả và hỗ trợ nhân rộng trong sản xuất, rút ngắn khoảng cách chênh lệch với các vùng sản xuất trong huyện.

#### 4.3.2. Về chăn nuôi:

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp quy mô vừa và lớn, chăn nuôi khép kín, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào chăn nuôi. Chủ động phòng, chống dịch bệnh; thực hiện di dời, hoặc ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định. Xác định chăn nuôi bò sữa, bò thịt cao sản, chăn nuôi heo, gia cầm... là các đối tượng vật nuôi chính để đóng góp tăng trưởng cho ngành chăn nuôi. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ, hình thành vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

#### 4.3.3. Về lâm nghiệp:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng; phân đấu giảm thiểu thiệt hại tài nguyên rừng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, gắn bảo vệ và phát triển rừng với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống người dân sống ở khu vực có rừng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nâng cao chất lượng trồng rừng, trồng cây phân tán, triển khai thực hiện hiệu quả, kế hoạch trồng 5 triệu cây xanh và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trong công tác quản lý và bảo vệ rừng.

**4.4.** Lồng ghép công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp vào kế hoạch cải cách hành chính, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo chương trình hành động số 34-CTr/HU ngày 30/8/2022 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 39-CTr/HU ngày 31/10/2022 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn mới; xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường...

**4.5.** Thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả như: Nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm rác thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp du lịch, vườn mẫu, trang trại mẫu...

**4.6.** Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chọn lựa, ứng dụng phù hợp công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường; nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa, tự động hóa, tiến tới công nghệ thông minh từ sản xuất đến thu hoạch bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị. Đến 2030 diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao trên 35% diện tích sản xuất nông nghiệp toàn huyện.

**4.7.** Xây dựng, triển khai các giải pháp phù hợp để thu hút đầu tư, hợp tác và hỗ trợ các doanh nghiệp, đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất trong huyện; khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản nông sản; đặc biệt ưu tiên các công nghệ tiên tiến, sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường.

**5. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn**

**5.1.** Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất nhằm tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

**5.2.** Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy chế biến tại các vùng nguyên liệu và lợi thế cạnh tranh; phát triển công nghiệp chế biến thế mạnh như: chế biến nông sản cà phê, mắc ca, rau, hoa, củ, quả, sữa, thịt, tơ tằm...với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường; công nghiệp phụ trợ sản xuất máy móc, thiết bị vật tư nông nghiệp. Hoàn thiện quy hoạch, phát triển các cụm, điểm thu mua, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông thôn tại các vị trí thuận lợi, gắn với vùng nguyên liệu để thu hút các nhà đầu tư; tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển các liên kết sản xuất, thu mua, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản.

**5.3.** Đa dạng các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề, làng nghề ở nông thôn để tạo ra sản phẩm có giá trị, tăng thu nhập cho người dân; khôi phục, bảo tồn và phát triển nghề làng nghề truyền thống, khai thác giá trị văn hóa làng nghề để hình thành sản phẩm du lịch, dịch vụ trong xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với yêu cầu của thị trường đối với sản phẩm có lợi thế của từng địa phương theo chuỗi giá trị.

**5.4.** Phát triển mạnh khu vực dịch vụ, nhất là các dịch vụ có lợi thế, tạo liên kết giữa các vùng; đổi mới sáng tạo nhiều loại hình dịch vụ du lịch có lợi thế của địa phương, như: Du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch canh nông,...gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; giữ gìn, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên.

**5.5.** Phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại, như: Siêu thị, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini...nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa phục vụ đời sống của Nhân dân vùng nông thôn; khuyến khích đầu tư, phát triển công nghệ, kết nối hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo tính an toàn và thuận tiện, từng bước phát triển thương mại điện tử, thanh toán điện tử, hạn chế dùng tiền mặt tại các vùng nông thôn.

**6. Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển thị trường trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản**

**6.1.** Tập trung đẩy mạnh đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả kinh tế theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

(khóa XIII) về “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới”, trọng tâm là củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp; xây dựng các mô hình Hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả, góp phần đổi mới quan hệ sản xuất, tổ chức lại sản xuất gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

**6.2.** Tăng cường quảng bá xúc tiến đầu tư, kết nối doanh nghiệp; xây dựng, phát triển một số thương hiệu hàng nông sản có thể mạnh của huyện trên thị trường trong nước và quốc tế; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử cho nông sản. Tập trung phát triển sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị, như: Cà phê, rau, hoa, củ, quả, dâu tằm...

**6.3.** Đẩy mạnh đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ nông dân theo chuỗi giá trị. Thí điểm, nhân rộng các mô hình đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất tiên tiến phù hợp, hiệu quả, mở rộng sản xuất hàng hóa, xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung; đẩy mạnh liên kết, phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp.

**6.4.** Đẩy mạnh thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác..để nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp; xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số, phát triển thương mại nông sản điện tử. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản; ưu tiên thu hút đầu tư các nhà máy chế biến tại các vùng nguyên liệu tập trung rau củ, quả, cà phê, tơ tằm...với quy mô, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã nhân rộng và xây dựng mới các Trung tâm sau thu hoạch, các dự án sơ chế, bảo quản nông sản. Đến năm 2030 tỷ lệ nông sản qua sơ chế, chế biến đạt trên 80%, trong đó chế biến đạt trên 30%.

**6.5.** Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, quy mô lớn; đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành các hạng mục chợ đầu mối nông sản; kêu gọi đầu tư xây dựng các trung tâm sau thu hoạch, chợ bán lẻ nông, lâm, thủy sản, hoàn thiện chuỗi giá trị nông sản. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hòa với quy định của các thị trường nhập khẩu khu vực và thế giới; tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nông sản, phát triển nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi gian lận làm ảnh hưởng đến chất lượng, uy tín hàng hóa nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế.

**7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy thoái chất lượng rừng gắn với bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu**

**7.1.** Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày



17/2/2022 của Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 67-KH/HU ngày 28/4/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Đức Trọng, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án tăng cường quản lý rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, xâm chiếm rừng và đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng bền vững; Kế hoạch trồng rừng tập trung, trồng 5 triệu cây xanh, trồng cây đa mục đích trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định để duy trì và tăng tỷ lệ che phủ rừng.

**7.2.** Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên rừng; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp. Quy hoạch khai thác, quản lý, bảo vệ nguồn nước có hiệu quả. Thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.

**7.3.** Triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp về bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng các công nghệ sạch hạn chế tác động đến môi trường; Từng bước giảm thiểu diện tích nhà lưới, nhà kính chưa đạt chuẩn và ở những nơi ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường.

**7.4.** Kêu gọi đầu tư hoàn thành nhà máy xử lý rác thải để tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải tại các xã, các vùng sản xuất tập trung trên cơ sở xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý rác thải phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Xây dựng cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường, như: Chăn nuôi, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng.

**7.5.** Triển khai hiệu quả các mô hình kinh tế tuần hoàn gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu và hội nhập quốc tế; thay thế dần việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, thảo mộc, vật lý; đẩy mạnh sản xuất theo phương thức hữu cơ, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp nhằm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững; quan tâm phát triển các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

**7.6.** Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai, chủ động trong công tác ứng phó phòng ngừa kịp thời với các loại hình thiên tai để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; khắc phục kịp thời hậu quả sau thiên tai; từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu, công tác quan trắc, dự báo thông tin, thông báo cảnh báo thiên tai và trang thiết bị về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; đầu tư hoàn thiện hạ tầng phòng, chống thiên tai.

## **8. Thực hiện các cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

**8.1.** Rà soát các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Trung ương và của tỉnh để đề xuất các cấp, các ngành xem xét hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trong phát triển sản xuất, kinh doanh về nông nghiệp.

**8.2.** Tăng cường công tác đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan Nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp và nông dân, kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị trong quá trình phát triển, hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn để tháo gỡ các rào cản, vướng mắc tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp phát triển.

## **9. Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực.**

**9.1.** Tranh thủ các nguồn vốn của các tổ chức và cá nhân nước ngoài để đầu tư kết cấu hạ tầng, mở rộng sản xuất, cải thiện sinh kế cho người dân nông thôn, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nghèo, an sinh xã hội.

**9.2.** Phối hợp các sở ngành của tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch về hội nhập quốc tế của địa phương và hợp tác hiệu quả với các tổ chức của các nước có nền nông nghiệp hiện đại, thị trường tiêu thụ nông sản lớn, đặc biệt là các thị trường mà Việt Nam đã và đang ký kết để phát triển sản xuất, xuất khẩu các mặt hàng giá trị cao, lợi thế của huyện.

**9.3.** Tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Kêu gọi thu hút đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực chế biến, giống, công nghệ cao.

## **10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp ở nông thôn**

**10.1.** Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn, đặc biệt là ở khu vực nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nông nghiệp tại các địa phương, cơ quan, đơn vị, nhất là đội ngũ cán bộ, người làm dịch vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

**10.2.** Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với ngành nông nghiệp; tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp nhằm cung ứng nguồn vật tư đầu vào đảm bảo kịp thời về số lượng và chất lượng; hỗ trợ và vận động các doanh nghiệp sản xuất phân phối vật tư nông nghiệp thực hiện các biện pháp đảm bảo ổn định nguồn cung và giá vật tư; từng bước xây dựng, hình thành các tổ chức thực hiện dịch vụ khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, giống, phân bón... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đầu vào cho sản xuất, đảm bảo quyền lợi cho nông dân.

**10.3.** Phát huy quyền làm chủ của nông dân, tạo điều kiện để nông dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh. Xây dựng tổ chức Hội Nông dân các cấp từ huyện đến cơ sở vững mạnh, thật sự là tổ chức đại diện cho quyền, lợi ích hợp

pháp, chính đáng của nông dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nông dân. Phát huy vai trò và tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các tổ chức công đồng dân cư trong huyện tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện.

**104.** Đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp ở nông thôn theo Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/2/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” và Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 27/01/2021 của Huyện ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn huyện trong tình hình mới” hướng về cơ sở để vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới, xây dựng “Khu dân cư tiêu biểu”, “Khu dân cư kiểu mẫu”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và dân cư nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.

**10.5.** Tiếp tục đổi mới, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá của các cơ quan, địa phương trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trên địa bàn huyện. Kiểm tra, giám sát để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thường xuyên làm tốt công tác thi đua khen thưởng, sơ kết, tổng kết từ cấp xã đến cấp huyện.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Hội đồng nhân dân huyện lãnh đạo tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện.

**2.** Ủy ban nhân dân huyện; Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân huyện, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức cơ sở Đảng tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình số 40-CTr/HU của Tỉnh ủy và Kế hoạch này, định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

**3.** Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt thực học tập Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII), Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy và kế hoạch này.

**4.** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội; phối hợp tổ chức tuyên truyền, sâu rộng Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII),

Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy và nội dung Kế hoạch này nhằm tạo đồng thuận trong Nhân dân; xây dựng kế hoạch phát động các phong trào thi đua yêu nước, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy Lâm Đồng,
- TT HU, HĐND, UBND huyện,
- Các Ban xây dựng Đảng; Văn phòng HU,
- Các phòng, Ban, ngành thuộc huyện,
- Mặt trận, các đoàn thể huyện,
- Các Tổ chức cơ sở Đảng,
- Lưu VP/HU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Lê Hồng Khánh**